

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2012;
- Căn cứ vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam ngày 26 tháng 4 năm 2013;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 04 năm 2013 đã nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo của Hội đồng Quản trị, và báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2012

ĐHĐCĐ phê chuẩn các báo cáo tài chính năm 2012 đã được công ty Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd. kiểm toán (đính kèm trong báo cáo thường niên); thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”); và báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về tình hình hoạt động của Công ty.

Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động như sau (ĐVT: đồng):

| | |
|--|---------------------------|
| Tổng doanh thu | 27.101.683.739.278 |
| Doanh thu thuần | 26.561.574.179.964 |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.929.668.017.079 |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.819.454.717.083 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 6.981 |
| Tài sản ngắn hạn | 11.110.610.188.964 |
| Tài sản dài hạn | 8.587.258.231.415 |
| Tổng tài sản | 19.697.868.420.379 |

| | |
|-----------------------|---------------------------|
| Nợ phải trả | 4.204.771.824.521 |
| Vốn chủ sở hữu | 15.493.096.595.858 |
| Tổng nguồn vốn | 19.697.868.420.379 |

2. Phân phối lợi nhuận năm 2012 và thông qua mức cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2012 với tỷ lệ 38% mệnh giá.

- Đợt 1/2012: 2.000 đồng/cổ phần, ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) nhận cổ tức là ngày 23/08/2012
- Đợt 2/2012: 1.800 đồng/ cổ phần và sẽ được chi trả vào tháng 6/2013.

Như vậy, phương án phân phối lợi nhuận của năm 2012 phê duyệt như sau:

| | (đồng) |
|---|-------------------|
| Lợi nhuận sau thuế trong năm 2012 | 5.819.454.717.083 |
| Phân phối lợi nhuận của năm 2012: | |
| Tăng quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾ | 814.747.976.337 |
| Tăng quỹ dự phòng tài chính ⁽²⁾ | 32.287.268.008 |
| Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi | 578.586.940.698 |
| Chia cổ tức | |
| + Đợt 1/2012 (2.000 đồng/cổ phần, đã thực hiện) | 1.111.408.068.000 |
| + Đợt 2/2012 (1.800 đồng/cổ phần, sẽ thực hiện, số ước tính) ⁽³⁾ | 1.501.120.432.800 |
| Lợi nhuận chưa phân phối ⁽⁴⁾ | 1.781.304.031.240 |

Ghi chú:

⁽¹⁾ Quỹ đầu tư phát triển tăng do: (i) trích 10% LNST Công ty mẹ tương ứng với 578.586.940.698 đồng, và (ii) thuế TNDN được miễn giảm làm tăng quỹ ĐTPT (theo CV số 499/Tài chính/TCDN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính) là 236.161.035.639 đồng

⁽²⁾ Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ trong 11 tháng đầu năm 2012 nên không trích lập quỹ trong giai đoạn này. Tháng 12/2012, vốn điều lệ của Vinamilk tăng lên sau khi phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu nên Vinamilk tiếp tục trích lập quỹ dự phòng tài chính từ tháng 12/2012 với mức trích lập bằng 10% LSNT của tháng 12/2012

⁽³⁾ = 1.800 đồng/ cổ phần x tổng số cổ phần đã phát hành (833.955.796 cổ phần). Số tiền chi trả thực tế có thể thấp hơn, tùy theo số lượng cổ phiếu quỹ (không được nhận cổ tức) tại thời điểm chốt danh sách cổ đông

⁽⁴⁾ Thay đổi tùy thuộc vào số tiền trả cổ tức đợt 2/2012.

3. Kế hoạch năm 2013

1. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận:

Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2013 như sau:

| (tỷ đồng) | Kế hoạch 2013 | Thực hiện 2012 | Tăng trưởng |
|----------------------|---------------|----------------|-------------|
| Tổng doanh thu | 32.500 | 27.102 | 20% |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.830 | 6.930 | 13% |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.230 | 5.819 | 7% |

Ghi chú: số liệu hợp nhất

So với dự kiến năm 2013 trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2012 – 2016 đã được ĐHCĐ 2012 phê duyệt, kế hoạch 2013 đã được điều chỉnh tăng như sau:

| (tỷ đồng) | Dự kiến 2013 ban đầu | Kế hoạch 2013 điều chỉnh | Tăng (tỷ đồng) |
|----------------------|----------------------|--------------------------|----------------|
| Tổng doanh thu | 31.780 | 32.500 | 720 |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.355 | 7.830 | 1.475 |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.230 | 6.230 | 1.000 |

Như vậy, tốc độ tăng trưởng bình quân 2011 – 2013 như sau:

| (tỷ đồng) | 2011 | 2012 | Kế hoạch 2013 | Tăng trưởng (%/năm) |
|----------------------|--------|--------|---------------|---------------------|
| Tổng doanh thu | 22.071 | 27.102 | 32.500 | 21,3% |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.979 | 6.930 | 7.830 | 25,4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.218 | 5.819 | 6.230 | 21,5% |

2. Kế hoạch đầu tư tài sản

ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch giải ngân năm 2013 như sau:

| (tỷ đồng) | Tổng mức đầu tư đến 2016 | Đã thực hiện các năm trước | Kế hoạch giải ngân 2013 | Giải ngân 2014 - 2016 |
|--|--------------------------|----------------------------|-------------------------|-----------------------|
| TỔNG CỘNG | 10.539 | 5.605 | 2.599 | 2.335 |
| VINAMILK | 8.092 | 5.313 | 1.824 | 954 |
| Dự án nhà máy Sữa Việt Nam | 2.349 | 1.683 | 654 | 12 |
| Dự án nhà máy Sữa bột Trẻ em Việt Nam (Dielac II) | 1.906 | 1.438 | 400 | 68 |
| Dự án nhà máy Sữa Đà Nẵng | 418 | 362 | 14 | 43 |
| Văn phòng chi nhánh, kho bãi | 622 | 126 | 201 | 294 |
| Đầu tư chiều sâu các nhà máy, chuỗi cung ứng, kinh doanh, IT | 2.796 | 1.704 | 554 | 538 |

| (tỷ đồng) | Tổng mức đầu tư đến 2016 | Đã thực hiện các năm trước | Kế hoạch giải ngân 2013 | Giải ngân 2014 - 2016 |
|--------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------|-----------------------|
| LAMSONMILK | 503 | 66 | 300 | 137 |
| BÒ SỮA VIỆT NAM | 1.780 | 225 | 473 | 1.082 |
| BDS QUỐC TẾ (VP Đà Nẵng) | 100 | 0 | 2 | 98 |
| DỰ PHÒNG | 64 | 0 | 0 | 64 |

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013

Theo quy định tại Điều lệ, trích lập các quỹ như sau:

| | |
|-------------------------------------|---|
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 10% lợi nhuận sau thuế |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 10% lợi nhuận sau thuế |
| Trích quỹ dự phòng tài chính | Không quá 5% lợi nhuận sau thuế, trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty |
| Tỷ lệ cổ tức bằng tiền (% mệnh giá) | 34% mệnh giá cổ phần (3.400 đồng/cổ phần) |

Thời điểm chi trả cổ tức:

- Tạm ứng đợt 1/2013: tháng 9/2013
- Đợt 2/2013: tháng 6/2014.

4. **Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2013**

Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc chọn Công ty TNHH KPMG làm công ty kiểm toán độc lập cho Vinamilk trong năm tài chính 2013.

5. **Sửa điều lệ**

DHĐCĐ phê chuẩn nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như Dự thảo đã trình.

6. **Phê chuẩn tăng số thành viên của HĐQT**

DHĐCĐ phê duyệt việc tăng số thành viên HĐQT từ **5 người lên 7 người** và phê duyệt danh sách ứng viên để bầu vào vị trí thành viên HĐQT như sau:

1. Bà Lê Thị Băng Tâm
2. Ông Hà Văn Thám

7. **Phê chuẩn tăng số thành viên của BKS**

305
 G T
 H A
 T M
 M II
 H O

ĐHĐCĐ phê duyệt việc tăng số thành viên BKS từ 3 người lên 4 người và phê duyệt danh sách ứng viên BKS như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai
2. Ông Vũ Trí Thức

8. Thù lao cho HĐQT năm 2013

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thù lao cho HĐQT năm 2013 là: 4.880 triệu đồng, tăng 30% so với thù lao HĐQT năm 2012 do số thành viên tăng lên 40%.

9. Thù lao và ngân sách hoạt động cho BKS năm 2013

- Tổng thù lao cho BKS năm 2013 là: 2.016 triệu đồng, tăng 36% so với thù lao BKS năm 2012 do số thành viên tăng lên 33%.
- Ngân sách hoạt động (không bao gồm thù lao) cho BKS năm 2013 là: không quá 20% tổng thù lao cho BKS năm 2013.

10. Thành lập Tiểu ban Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng quản trị

ĐHĐCĐ cho phép HĐQT thành lập một tiểu ban đặc biệt trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Quản lý rủi ro với các trách nhiệm chính như sau:

- Phê duyệt cơ cấu quản trị rủi ro phù hợp với Công ty và đánh giá hiệu quả của cơ cấu này.
- Soát xét chính sách quản trị rủi ro, mức chấp nhận rủi ro và tiêu chí – thông số của Công ty cho HĐQT
- Thực hiện quản lý các rủi ro quan trọng theo trình tự thời gian, khả năng xảy ra, mức độ ảnh hưởng, tính đầy đủ của biện pháp đối phó, trách nhiệm giải trình và các thay đổi
- Định kỳ xem xét các báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện quản trị rủi ro tại Công ty. Phê duyệt các tuyên bố về quản trị rủi ro trong các báo cáo ra bên ngoài Công ty (báo cáo thường niên v.v.)

11. Mua bảo hiểm trách nhiệm cho Hội đồng Quản trị

ĐHĐCĐ cho phép HĐQT Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên HĐQT theo các điều khoản, điều kiện phổ biến áp dụng tại Việt Nam.

12. Phê chuẩn việc bổ nhiệm ông Pascal De Petrini vào HĐQT



ĐHĐCĐ thông qua việc bổ nhiệm ông Pascal De Petrini là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2016.

13. Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

14. Bầu thành viên độc lập vào HĐQT và bầu bổ sung và thay thế thành viên BKS

ĐHĐCĐ phê chuẩn việc bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2012 – 2016 như sau:

1. Bà Lê Thị Băng Tâm
2. Ông Hà Văn Thắm

Đồng thời ĐHĐCĐ phê chuẩn việc bầu thay thế thành viên BKS do ông Nguyễn Anh Tuấn từ nhiệm và bổ sung thêm thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2012 – 2016. Danh sách thành viên BKS trúng cử như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai
2. Ông Vũ Trí Thức

Nghị quyết ĐHĐCĐ này được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông vào lúc 12 giờ 45 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2013.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2013
CHỦ TỊCH HĐQT



MAI KIỀU LIÊN